

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
TRUNG TÂM CHĂM SÓC
SỨC KHỎE SINH SẢN

Số: 101 /SKSS-SKTE
V/v hướng dẫn NCBSM và tài liệu
đào tạo về nuôi dưỡng trẻ nhỏ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2015



Kính gửi:

- Bệnh viện ĐK tỉnh, BVĐK Nà Trì, BVĐK các huyện;
- Trung tâm Y tế các huyện, Thành phố.

Thực hiện công văn số 4551/BYT-BMTE ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Bộ Y tế V/v hướng dẫn NCBSM và tài liệu đào tạo về nuôi dưỡng trẻ nhỏ.

Đồng thời để tăng cường thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại các tuyến, góp phần tăng tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu như mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Để hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi con bằng sữa mẹ tại địa phương, Vụ sức khỏe Bà mẹ Trẻ em - Bộ Y tế đã gửi tài liệu hướng dẫn triển khai thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại các tuyến qua trang web: mch.moh.gov.vn

Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản đề nghị các bệnh viện ĐK; TTYT các huyện, Thành phố đẩy mạnh công tác đào tạo và triển khai nuôi con bằng sữa mẹ tại địa phương. Tham khảo tài liệu tại trang web trên.

Xin trân trọng cảm ơn! *BR*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Vụ SKBMTE- Bộ Y tế;
- Phòng KH-TC;
- Khoa CSSKTE/PCSDĐ;
- Lưu: VT,SKSS.

GIÁM ĐỐC



Bé Văn Phù

Bộ Y tế
Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em

HƯỚNG DẪN
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ TẠI CÁC TUYẾN
(Gửi kèm theo công văn số 4551/BYT-BMTE ngày 29 tháng 6 năm 2015)

I. Cơ sở xây dựng hướng dẫn

- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về việc kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.
- Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Quyết định số 2565/QĐ-BYT ngày 17/7/2009 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động vì sự sống còn trẻ em giai đoạn 2009-2015.
- Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Quyết định số 304/QĐ-BYT ngày 28/01/2013 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về nuôi dưỡng trẻ nhỏ giai đoạn 2012-2015.
- Quyết định số 1962/QĐ-BYT ngày 06/6/2013 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2015.
- Quyết định số 4858/QĐ-BYT ngày 03/12/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành thí điểm Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện.

II. Hướng dẫn triển khai thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện các tuyến có cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

1. Công tác chuẩn bị:

1.1 Thực hiện các qui định chung:

- Xây dựng một bản qui định về nuôi con bằng sữa mẹ và phổ biến thường xuyên cho các cán bộ có liên quan. Bản qui định cần treo ở khoa sản, nhi, phòng khám sản, nhi. Nội dung bản qui định gồm:

+ 10 điều kiện nuôi con bằng sữa mẹ (chi tiết xem Phụ lục 2).

+ Nghiêm cấm việc tổ chức bán hoặc cho phép bán sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, thức ăn dùng cho trẻ dưới 6 tháng tuổi (khoản 2, a, điều 12, Nghị định 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014).

+ Nghiêm cấm việc cho phép các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ trưng bày, niêm yết bất kỳ vật dụng, thiết bị nào có tên hoặc biểu tượng của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, bình bú, vú ngậm nhân tạo tại cơ sở y tế (khoản 2, b, điều 12, Nghị định 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014).

+ Nghiêm cấm nhân viên y tế nhận trực tiếp hoặc gián tiếp sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, lợi ích vật chất, vật dụng có tên hoặc biểu tượng của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ (khoản 2, c, điều 13, Nghị định 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014).

2. Công tác tổ chức:

2.1 Thành lập Ban điều hành nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện bao gồm:

- Thành phần:

+ Trưởng Ban điều hành: Lãnh đạo bệnh viện phụ trách về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

+ Thư ký chịu trách nhiệm đầu mối, giúp việc cho Trưởng ban điều hành: Trưởng khoa sản (đối với bệnh viện đa khoa) hoặc trưởng khoa hậu sản (đối với bệnh viện chuyên khoa sản hoặc sản nhi).

+ Các thành viên:

- Trưởng khoa nhi (đối với bệnh viện đa khoa) hoặc trưởng khoa sơ sinh (đối với bệnh viện chuyên khoa sản hoặc sản nhi).
- Điều dưỡng trưởng bệnh viện
- Đại diện phòng Kế hoạch tổng hợp
- Đại diện phòng Tổ chức cán bộ

- Nhiệm vụ của Ban điều hành:

+ Lập kế hoạch hoạt động hàng năm về nuôi con bằng sữa mẹ của bệnh viện bao gồm cả kế hoạch đào tạo và giám sát sau đào tạo.

+ Rà soát, bổ sung và tổ chức các hoạt động nuôi con bằng sữa mẹ

2.2. Thành lập Nhóm hỗ trợ NCBSM tại bệnh viện:

- Thành phần:

+ Trưởng khoa sản (đối với bệnh viện đa khoa) hoặc trưởng khoa hậu sản (đối với bệnh viện chuyên khoa sản hoặc sản nhi): trưởng nhóm.

+ Trưởng khoa nhi hoặc khoa sơ sinh

+ Điều dưỡng trưởng, các điều dưỡng hoặc y sĩ khoa nhi

+ Các hộ sinh khoa sản

- **Nhiệm vụ của Nhóm hỗ trợ:**

+ Hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành NCBSM

+ Lập kế hoạch hoạt động hàng năm của nhóm, chủ động trong việc đề xuất/yêu cầu sự hỗ trợ của Lãnh đạo bệnh viện hoạt động của nhóm và triển khai

+ Cùng với các thành viên rà soát, bổ sung và tổ chức các hoạt động nuôi con bằng sữa mẹ

+ Thực hiện hỗ trợ, tư vấn và giúp các bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ.

2.3 Cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu:

- **Cơ sở vật chất:**

+ Có góc truyền thông tại phòng khám sản, nhi, khoa sản, nhi

+ Phòng cho con bú/vắt sữa tại khoa sản và khoa nhi

+ Tủ lạnh, cốc trữ sữa ở khoa sản, khoa nhi

- **Trang thiết bị:**

+ Phòng khám thai: Tivi, đầu đĩa hình hoặc băng đĩa có nội dung tuyên truyền về NCBSM.

+ Áp phích về nuôi con bằng sữa mẹ được treo tại phòng khám, khoa sản hoặc khoa đẻ, khoa nhi.

+ Tờ rơi về nuôi con bằng sữa mẹ để phát cho các bà mẹ.

- **Tài liệu về nuôi con bằng sữa mẹ**

+ Sử dụng tài liệu đào tạo cho cán bộ y tế về nuôi dưỡng trẻ nhỏ do Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 5063/QĐ-BYT ngày 05/12/2014.

3. Công tác đào tạo:

- Đảm bảo tất cả các nhân viên bệnh viện, đặc biệt là những cán bộ công tác tại khoa sản, nhi, phòng khám sản, nhi và các khoa liên quan đến trẻ em đều được tập huấn về NCBSM. Tùy theo tính chất công việc của nhân viên, có hình thức đào tạo/tập huấn phù hợp như:

+ Phổ biến và cập nhật kiến thức và qui định về NCBSM trong các buổi giao ban chuyên môn, hội nghị, hội thảo hoặc sinh hoạt khoa học cho tất cả các nhân viên bệnh viện

+ Tổ chức tập huấn toàn diện: tư vấn về NCBSM, 10 điều kiện NCBSM, xây dựng và triển khai thực hiện bệnh viện bạn hữu trẻ em, theo dõi, giám sát hoạt động về NCBSM cho cán bộ khoa sản và khoa nhi.

+ Thực hiện theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.

2. Triển khai thực hiện:

2.1. Tại phòng khám thai:

- Chiếu băng/đĩa hình về NCBSM cho các phụ nữ mang thai đến khám

- Phát tờ rơi tuyên truyền về NCBSM cho phụ nữ mang thai đến khám hoặc để đọc trong khi chờ khám thai.

- Lòng ghép tư vấn về NCBSM trong tư vấn về chăm sóc khi mang thai. Nội dung tư vấn về NCBSM bao gồm:

+ Dinh dưỡng trong thời gian mang thai:

+ Chuẩn bị cho cuộc đẻ: khuyến khích đẻ tại cơ sở y tế, cho con nằm tiếp xúc da kề da/cạnh mẹ ngay sau khi sinh

+ Lợi ích của NCBSM, bú sớm ngay sau khi sinh, bú mẹ hoàn toàn

+ Cung cấp các thông tin về nguy cơ nếu không cho con bú sữa mẹ, cho ăn bổ sung sớm, sử dụng bình, đầu vú ngậm giả...

(Nội dung chi tiết trong tài liệu đào tạo về NCBSM đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 5063/QĐ-BYT ngày 05/12/2014).

- Khuyến khích người chồng hoặc người chăm sóc trẻ (mẹ chồng, mẹ đẻ) tham gia nghe tư vấn cùng vợ. Động viên chồng ủng hộ vợ và cùng có quyết định NCBSM theo hướng dẫn.

2.2 Tại phòng đẻ

- **Đối với tất cả các trường hợp đẻ thường:** Thực hiện theo Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

+ Áp dụng đặt trẻ da kề da lên bụng mẹ ngay sau khi đỡ trẻ và thực hiện các chăm sóc trẻ ngay trên bụng mẹ.

+ Đặt trẻ lên ngực mẹ, hỗ trợ người mẹ cho con bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sinh, khi trẻ đã sẵn sàng. Ưu tiên cho trẻ bú sớm trước khi cân trẻ. Trường hợp có khó khăn, yêu cầu hỗ trợ của nhân viên có kinh nghiệm về NCBSM trong bệnh viện. Không cho thức ăn hoặc nước uống thay thế sữa mẹ trước bữa bú đầu tiên.

- **Đối với các bà mẹ có can thiệp khi sinh:**

+ Hầu hết đều có thể cho con bú sớm được, vì vậy cần hỗ trợ bà mẹ cho trẻ bú ngay khi tình trạng sức khỏe của mẹ và con ổn định

+ Nếu tình trạng mẹ và con không phải xử trí gì đặc biệt, cần cho trẻ nằm cùng với mẹ, tốt nhất là tiếp xúc da kề da.

+ Cho phép người nhà, đặc biệt là người chồng ở cùng vợ sau khi sinh để hỗ trợ cho con bú sớm.

- **Đối với các bà mẹ sinh mổ:**

+ Những bà mẹ sinh mổ bằng phương pháp gây tê tùy sống, tình trạng con bình thường có thể cho con bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau mổ. Hộ sinh cần chú ý hỗ trợ người mẹ cho bú sớm.

+ Cho phép người nhà, đặc biệt là người chồng tiếp xúc với sản phụ ngay sau mổ để hỗ trợ cho con bú sớm.

+ Chú ý để bà mẹ chọn tư thế nằm hoặc ngồi thoải mái nhất và hỗ trợ giữ con ở vị trí dễ ngậm bắt vú để có thể bú mẹ được dễ dàng.

+ Đối với các bà mẹ phải gây mê, cần được khuyến khích và hướng dẫn cho con bú ngay sau khi thoát mê. Thông thường, người mẹ có thể cho con bú trong vòng 1-2 giờ sau mổ đẻ (trường hợp gây mê tùy sống) nên không cần cho trẻ ăn bất cứ thức ăn hoặc nước uống nào khác ngoài sữa mẹ.

- **Đối với các trường hợp phải tách mẹ con:** (mẹ hoặc con có vấn đề ngay sau khi đẻ cần phải can thiệp)

+ Nếu sức khỏe bà mẹ cho phép, khuyến khích vắt sữa và cho trẻ ăn bằng thìa, cốc.

+ Nếu trẻ không bú được, dùng thìa hoặc cốc cho trẻ ăn hoặc bơm sữa mẹ hoặc cho ăn qua ống thông.

2. 3. Tại phòng sau đẻ

- Luôn để con nằm với mẹ
- Khuyến khích bà mẹ cho con bú mẹ theo nhu cầu, cả ngày và đêm
- Hướng dẫn cách đặt trẻ ở tư thế đúng và ngậm bắt vú tốt
- Giúp bà mẹ giải quyết bất cứ khó khăn nào khi cho con bú
- Trước khi cho mẹ con về nhà:
 - + Tuyên truyền cho bà mẹ, người chồng/các thành viên trong gia đình về lợi ích của NCBSM.
 - + Cho bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu, bú càng lâu càng tốt cho đến khi trẻ được 2 tuổi hoặc lâu hơn.
 - + Hướng dẫn cách giữ gìn nguồn sữa mẹ.
 - + Hướng dẫn khi nào và nơi nào cần đến để được hỗ trợ nếu có khó khăn trong việc NCBSM.

III. Hướng dẫn thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại trạm y tế xã/phường

1. Tổ chức:

- Trạm Y tế là nơi quản lý thai, thực hiện khám thai và đỡ đẻ thường, CSSKBM sau sinh nên việc thực hiện hướng dẫn NCBSM là hoàn toàn phù hợp và hiệu quả.
- Chịu trách nhiệm chính: Trưởng Trạm Y tế
- Đầu mối: Hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi

2. Thực hiện:

- Phối hợp với Y tế thôn bản, phát hiện và vận động bà mẹ đi khám thai sớm để được tư vấn về chăm sóc thai và truyền thông về lợi ích của việc NCBSM.
- Trong các cuộc họp hàng tháng với YTTB: có nội dung báo cáo về tình hình NCBSM tại xã. Nêu các vấn đề tồn tại và cách giải quyết để cải thiện tình hình.
- Thực hiện đúng các bước tư vấn về NCBSM khi khám thai theo Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

+ Lợi ích của NCBSM.

+ Khuyến nghị về NCBSM: cho bú sớm trong vòng 1 h đầu sau sinh; bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, bú càng lâu càng tốt cho đến khi trẻ được 2 tuổi hoặc lâu hơn.

+ Khuyến khích bà mẹ có kế hoạch chuẩn bị và lựa chọn nơi đẻ.

+ Vận động tham gia của người chồng trong chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho bà mẹ trong thời gian mang thai và ủng hộ việc NCBSM.

- Trong cuộc đẻ: Thực hiện theo Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

+ Áp dụng đặt trẻ da kề da lên bụng mẹ ngay sau khi đỡ trẻ và thực hiện các chăm sóc trẻ ngay trên bụng mẹ.

+ Đặt trẻ lên ngực mẹ, hỗ trợ người mẹ cho con bú sớm trong vòng 1 h đầu sau sinh, khi trẻ đã sẵn sàng. Ưu tiên cho trẻ bú sớm, chưa cần cân trẻ trước khi cho bú bữa đầu.

+ Cho phép người chồng hoặc người nhà ở cạnh người mẹ tại cuộc đẻ để có thể hỗ trợ tiếp xúc da kề da và cho trẻ bú ngay sau khi đẻ.

- Sau đẻ:

+ Luôn để trẻ nằm cùng mẹ để trẻ được bú mẹ thường xuyên.

+ Khuyến khích cho bú mẹ càng nhiều càng tốt theo nhu cầu. Cho bú theo nhu cầu cả ngày và đêm.

+ Động viên người chồng và gia đình hỗ trợ để người mẹ dễ dàng cho con bú.

+ Hướng dẫn người mẹ và người chồng về tư thế bú đúng và ngậm bắt vú tốt. Hỗ trợ khi người mẹ có khó khăn.

+ Tư vấn tiếp tục về NCBSM khi cho bà mẹ và trẻ về nhà: bú mẹ hoàn toàn, cách cho con bú, duy trì nguồn sữa mẹ, cách giải quyết các khó khăn khi cho con bú (nên phát tài liệu truyền thông kèm theo).

- Tổ chức phát thanh hàng tuần/tháng về chủ đề NCBSM và treo băng rôn, áp phích về NCBSM.

IV. Hướng dẫn thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại cộng đồng

1. Tổ chức:

- Nhóm chịu trách nhiệm: Cán bộ phụ nữ, y tế thôn bản hoặc cô đỡ thôn bản, Phó chủ tịch UBND xã phụ trách văn xã.

- Đầu mối: Y tế thôn bản và cô đỡ thôn bản

2. Thực hiện:

- Huy động cộng đồng hưởng ứng các phong trào can thiệp về dinh dưỡng: ngày vi chất, nuôi dưỡng trẻ nhỏ, tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ.v.v

- Lồng ghép tuyên truyền về NCBSM trong các buổi sinh hoạt cộng đồng, thăm hộ gia đình, cân trẻ

- Khuyến khích triển khai các mô hình hỗ trợ NCBSM: thành lập câu lạc bộ phụ nữ về NCBSM hoặc lồng ghép nội dung NCBSM, câu lạc bộ người cha.v.v.
Nội dung hoạt động bao gồm:

+ Trao đổi kinh nghiệm về NCBSM

+ Thảo luận về cách giải quyết các vấn đề khó khăn

+ Hỏi – Đáp các vấn đề về NCBSM

+ Tổ chức các hoạt động vui chơi có thưởng về các nội dung liên quan đến NCBSM.

V. Chỉ số báo cáo

Báo cáo theo qui định của Bộ Y tế.

1. Tại Trạm Y tế:

- Số phụ nữ mang thai theo tháng/năm
- Số phụ nữ mang thai được tư vấn NCBSM theo tháng/năm
- Số phụ nữ đẻ theo tháng/năm
- Số trẻ được bú sớm trong vòng 1h đầu sau sinh theo tháng/năm

2. Tại Bệnh viện:

- Số phụ nữ mang thai đến khám theo tháng/năm
- Số bà mẹ đẻ theo tháng/năm
- Số bà mẹ mổ đẻ theo tháng/năm
- Số trẻ được bú sớm trong vòng 1h đầu

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Một số khái niệm, định nghĩa về nuôi con bằng sữa mẹ

- 1. Cho trẻ bú sớm:** là cho bú ngay trong vòng 1 giờ đầu sau đẻ
- 2. Bú mẹ hoàn toàn:** là chỉ cho trẻ bú mẹ, không cho thêm bất kỳ thức ăn nước uống nào khác, kể cả nước lọc (trừ vitamin, vắc xin và các thứ thuốc cần thiết do chỉ định của thầy thuốc)
- 3. Khuyến nghị của Bộ Y tế về nuôi dưỡng trẻ nhỏ:**
 - Cho trẻ bú sớm ngay trong vòng 1 giờ đầu sau đẻ
 - Bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu
 - Từ tháng thứ 6 trở đi cho trẻ ăn thức ăn bổ sung đầy đủ, an toàn, hợp lý và tiếp tục cho con bú sữa mẹ đến 2 tuổi hoặc lâu hơn.

Phụ lục 2. 10 điều kiện nuôi con bằng sữa mẹ

(10 điều kiện để thực hiện bệnh viện bạn hữu trẻ em)

Tất cả các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 24 tháng tuổi cần phải:

1. Có một bản quy định về nuôi con bằng sữa mẹ, được phổ biến thường xuyên cho các cán bộ y tế trong cơ sở y tế đó.
2. Đào tạo cho tất cả cán bộ có liên quan những kỹ năng cần thiết để thực hiện quy định này.
3. Thông tin, tư vấn cho tất cả phụ nữ có thai đến khám thai về lợi ích và cách thực hiện NCBSM.
4. Giúp các bà mẹ bắt đầu cho con bú trong vòng 1 giờ đầu sau đẻ.
5. Chỉ dẫn cho các bà mẹ cách cho con bú và duy trì nguồn sữa ngay cả khi phải xa con
6. Không cho trẻ sơ sinh bất cứ đồ ăn thức uống gì ngoài sữa mẹ, trừ khi có chỉ định của y tế*.
7. Thực hiện mẹ con cùng phòng để con gần mẹ suốt 24 giờ trong ngày.
8. Khuyến khích cho trẻ bú theo nhu cầu.
9. Không cho trẻ nhỏ đang bú mẹ bất cứ loại vú giả hoặc đầu vú cao su nào
10. Khuyến khích thành lập các nhóm hỗ trợ NCBSM và giới thiệu các bà mẹ tới đó sau khi họ ra viện về nhà.

*** Các trường hợp chỉ định cho trẻ ăn sữa thay thế sữa mẹ:**

- Trẻ có mẹ bị bệnh nặng không thể cho trẻ bú sữa hoặc vắt sữa được.
- Trẻ có mẹ đang bị chiếu tia xạ hoặc phải dùng thuốc chống chỉ định cho con bú như các thuốc kháng giáp trạng, thuốc chống ung thư.
- Trẻ có mẹ bị nhiễm HIV (trừ trường hợp bà mẹ đã được tư vấn và lựa chọn cách NCBSM).
- Trẻ mắc các bệnh chuyển hoá không dung nạp được sữa mẹ.

Phụ lục 3

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng
dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông, quảng cáo; kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo; trách nhiệm trong kinh doanh, sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trên cơ sở khuyến khích và bảo vệ việc nuôi con bằng sữa mẹ - thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ là sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ và sản phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi được sản xuất theo phương thức công nghiệp, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng theo từng giai đoạn phát triển hay tình trạng sinh lý đặc biệt của trẻ nhỏ.
2. Sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi bao gồm:
 - a) Sản phẩm dinh dưỡng công thức có dạng lỏng hoặc dạng bột được chế biến từ sữa bò hoặc sữa động vật khác với các thành phần thích hợp có thể sử dụng thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 12 tháng tuổi (infant formula);
 - b) Sản phẩm dinh dưỡng công thức có dạng lỏng hoặc dạng bột được chế biến từ sữa bò hoặc sữa động vật khác với các thành phần thích hợp hoặc có nguồn gốc động vật, thực vật để sử dụng trong giai đoạn ăn bổ sung dùng cho trẻ từ 06 đến 24 tháng tuổi (follow-up formula);
 - c) Sản phẩm dinh dưỡng công thức khác có dạng lỏng hoặc dạng bột được chế biến từ sữa bò hoặc sữa động vật khác với các thành phần thích hợp hoặc có nguồn gốc động vật, thực vật được trình bày hoặc giới thiệu là phù hợp dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, nhưng không bao gồm thức ăn bổ sung trong cơ cấu dinh dưỡng cho trẻ trên 06 tháng tuổi.
3. Sản phẩm dinh dưỡng bổ sung (viết tắt là thức ăn bổ sung) là thức ăn dạng sệt hoặc đặc có đủ 04 nhóm thành phần: Tinh bột, chất đạm, chất béo, vitamin và khoáng chất được chế biến sẵn để ăn bổ sung thêm cùng với sữa mẹ hoặc sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi.
4. Trẻ nhỏ là trẻ từ khi sinh ra đến 24 tháng tuổi.
5. Nhãn sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của sản phẩm hoặc trên chất liệu khác được gắn trên sản phẩm, bao bì thương phẩm của sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ.
6. Tặng mẫu sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ là cung cấp miễn phí một lượng nhỏ sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ.

7. Cơ sở y tế bao gồm: Bệnh viện đa khoa có khoa nhi, khoa sản; bệnh viện chuyên khoa sản, nhi; nhà hộ sinh; phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa sản, nhi; phòng khám đa khoa khu vực; trạm y tế xã, phường, thị trấn; cơ sở nghiên cứu dinh dưỡng hoặc tư vấn dinh dưỡng cho trẻ nhỏ.

8. Thầy thuốc, nhân viên y tế bao gồm: Bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, nhân viên tư vấn dinh dưỡng hoặc chức danh chuyên môn khác, kể cả người lao động tình nguyện làm việc không hưởng lương tại các cơ sở y tế.

9. Nhân viên cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ bao gồm: Nhân viên hợp đồng hưởng lương hằng tháng, nhân viên bán hàng hưởng hoa hồng của doanh nghiệp, cộng tác viên, nhân viên thúc đẩy bán sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ.

Chương II

THÔNG TIN, GIÁO DỤC, TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO

Điều 3. Thông tin, giáo dục, truyền thông về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ

Thông tin, giáo dục, truyền thông về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ và phương pháp nuôi dưỡng trẻ nhỏ phải được ưu tiên trong chương trình thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, về cải thiện tình trạng dinh dưỡng ở trẻ nhỏ.

Điều 4. Tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về nuôi dưỡng trẻ nhỏ

1. Nội dung tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về nuôi dưỡng trẻ nhỏ phải rõ ràng, dễ đọc, dễ hiểu, bảo đảm tính khách quan, khoa học.

2. Tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về nuôi dưỡng trẻ nhỏ phải bảo đảm nội dung sau đây:

a) Lợi ích và tính ưu việt của việc nuôi trẻ bằng sữa mẹ, khẳng định sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ; các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp cho trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác;

b) Hướng dẫn nuôi trẻ hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 06 tháng tuổi và tiếp tục cho trẻ bú sữa mẹ đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn, cho trẻ ăn thức ăn bổ sung đúng cách, hợp lý từ 07 tháng tuổi;

c) Bất lợi khi không nuôi trẻ bằng sữa mẹ mà thay vào đó là cho trẻ ăn sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ như: Không cung cấp được cho trẻ khả năng miễn dịch có trong sữa mẹ, tổn kém kinh tế, thời gian, trẻ có thể bị nhiễm khuẩn nếu pha chế không đúng cách và bất lợi khác;

d) Ảnh hưởng không tốt của việc cho trẻ bú bằng bình, ngậm vú ngậm nhân tạo hoặc ăn thức ăn bổ sung trước khi tròn 06 tháng tuổi;

đ) Hướng dẫn cách pha chế, bảo quản, lựa chọn và sử dụng thức ăn bổ sung cho trẻ tại nhà bằng phương pháp đơn giản, bảo đảm an toàn, dinh dưỡng hợp lý với các loại thực phẩm có sẵn;

e) Dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ để duy trì nguồn sữa cho con bú.

3. Cẩm tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về nuôi dưỡng trẻ nhỏ có nội dung sau đây:

a) Tranh ảnh, lời văn hoặc các hình thức khác nhằm khuyến khích việc cho trẻ ăn sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, cho trẻ bú bằng bình hoặc không khuyến khích việc nuôi trẻ bằng sữa mẹ;

b) So sánh sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ là tương đương hoặc tốt hơn sữa mẹ;

c) Tên hoặc biểu tượng của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, bình bú, vú ngậm nhân tạo.

Điều 5. Tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ

Nội dung của tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

1. Hướng dẫn cách lựa chọn, sử dụng đúng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ;

2. Hướng dẫn cách rửa sạch và tiệt khuẩn dụng cụ dùng cho trẻ nhỏ ăn;

3. Hướng dẫn cách cho trẻ nhỏ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh;

4. Những cảnh báo có hại có thể xảy ra đối với sức khỏe của trẻ nhỏ nếu cho trẻ ngậm vú nhân tạo, bú bằng bình hoặc ăn bổ sung trước khi tròn 06 tháng tuổi;

5. Cung cấp thông tin về khả năng nhiễm khuẩn khi trẻ bú bình và khi sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ không được pha chế và cho ăn đúng cách;
6. Cảnh báo việc tổn kém khi nuôi trẻ nhỏ bằng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ.

Điều 6. Quảng cáo sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ

1. Nghiêm cấm quảng cáo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi; thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 06 tháng tuổi; bình bú và vú ngậm nhân tạo dưới mọi hình thức; sử dụng hình ảnh bào thai hoặc trẻ nhỏ trong quảng cáo sữa dùng cho phụ nữ mang thai.
2. Việc quảng cáo thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi phải bảo đảm yêu cầu sau đây:
 - a) Phần đầu của quảng cáo phải có nội dung: "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ";
 - b) Nội dung quảng cáo phải nêu rõ "Sản phẩm này là thức ăn bổ sung và được ăn thêm cùng với sữa mẹ dùng cho trẻ trên 06 tháng tuổi"; phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này và quy định khác của pháp luật về quảng cáo và an toàn thực phẩm.
3. Nội dung, điều kiện, thủ tục quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

Chương III

KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

DÙNG CHO TRẺ NHỎ, BÌNH BÚ VÀ VÚ NGẬM NHÂN TẠO

Điều 7. Công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định về an toàn thực phẩm

1. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường phải được công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.
2. Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức dùng cho trẻ nhỏ.

Điều 8. Quy định nhãn sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ nhỏ

1. Nhãn sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ nhỏ phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Phải có chữ in hoa: "CHÚ Ý", sau đó là chữ in thường về nội dung cần chú ý như sau: "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác". Chiều cao của chữ không được dưới 2 mm. Màu sắc của chữ phải rõ ràng và có màu tương phản so với màu nền của nhãn;

b) Phải có chữ in thường: "Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh". Chiều cao của chữ không được dưới 1,5 mm;

c) Phải ghi rõ độ tuổi phù hợp của trẻ khi dùng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ;

d) Nhãn của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ không được có hình ảnh, tranh vẽ trẻ nhỏ, bà mẹ cho con bú, bình bú; không được sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh thể hiện sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn sữa mẹ hoặc khuyến khích trẻ bú bằng bình bú; không được giống hình ảnh nhãn sữa dành cho phụ nữ mang thai;

đ) Trên nhãn của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ phải in số giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc số giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

2. Nội dung khác của nhãn sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, an toàn thực phẩm và phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Hướng dẫn đúng cách pha chế và các bảng biểu đơn giản, dễ hiểu bằng tiếng Việt;

b) Hướng dẫn vệ sinh dụng cụ pha chế;

c) Điều kiện bảo quản, hạn sử dụng trước và sau khi mở hộp.

Điều 9. Quy định nhãn thức ăn bổ sung dùng cho trẻ nhỏ

1. Nhãn thức ăn bổ sung dùng cho trẻ nhỏ phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Phải ghi rõ: "Sản phẩm này là thức ăn bổ sung và được ăn thêm cùng với sữa mẹ dùng cho trẻ trên 06 tháng tuổi". Dòng chữ này phải ở mặt trước của sản phẩm, bằng chữ in hoa, chiều cao của chữ không được dưới 2 mm. Màu sắc của chữ phải rõ ràng và có màu tương phản so với màu nền của nhãn.

b) Phải có chữ in hoa: "CHÚ Ý", sau đó là chữ in thường về nội dung cần chú ý như sau: "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ". Chiều cao của chữ không được dưới 2 mm;

c) Phải ghi rõ độ tuổi phù hợp của trẻ khi sử dụng sản phẩm;

d) Nhãn của sản phẩm không được có hình ảnh, tranh vẽ trẻ nhỏ, bà mẹ cho con bú, bình bú; không được sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh thể hiện sản phẩm có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn sữa mẹ hoặc khuyến khích trẻ bú bằng bình bú;

đ) Trên nhãn của sản phẩm phải in số giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc số giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

2. Nội dung khác của nhãn thức ăn bổ sung dùng cho trẻ nhỏ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và an toàn thực phẩm.

Điều 10. Quy định nhãn sản phẩm của bình bú và vú ngậm nhân tạo

1. Nhãn sản phẩm bình bú phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Phải có chữ in thường: "Thực hiện đúng hướng dẫn vệ sinh, tiệt khuẩn. Việc sử dụng bình bú có thể làm cho trẻ bỏ bú mẹ và có nguy cơ bị tiêu chảy". Chiều cao không được dưới 2 mm. Màu sắc của chữ phải rõ ràng và có màu tương phản so với màu nền của nhãn;

b) Hướng dẫn đúng cách giữ vệ sinh và tiệt khuẩn;

c) Tên và địa chỉ chính xác của cơ sở sản xuất, cơ sở phân phối.

2. Bao gói hoặc nhãn dán vú ngậm nhân tạo phải có chữ in thường: "Sử dụng vú ngậm nhân tạo ảnh hưởng không tốt tới việc nuôi trẻ bằng sữa mẹ". Chiều cao không được dưới 2 mm. Màu sắc của chữ phải rõ ràng và phải có màu tương phản so với màu nền của nhãn.

3. Nhãn sản phẩm của bình bú, vú ngậm nhân tạo không được có hình ảnh hoặc tranh vẽ có hình ảnh trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, bà mẹ cho con bú, hình ảnh và ngôn ngữ thể hiện sản phẩm này tương tự như núm vú của người mẹ.

4. Nhãn sản phẩm của bình bú, vú ngậm nhân tạo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này được áp dụng cho cả sản phẩm bình bú và vú ngậm nhân tạo sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TRONG KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÙNG CHO TRẺ NHỎ

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm:

a) Bán sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm theo đúng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn đã công bố;

b) Cung cấp thông tin chính xác, khoa học và cách thức sử dụng đúng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ phù hợp với Điều 4, Điều 5 Nghị định này cho thầy thuốc, nhân viên y tế và người tiêu dùng.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh không được:

a) Tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ không theo đúng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn đã công bố; sản phẩm đã hết hạn sử dụng; không có nhãn hoặc bao bì đóng gói;

b) Cử nhân viên tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với bà mẹ, phụ nữ mang thai hoặc thành viên trong gia đình họ tại cơ sở y tế hoặc bên ngoài cơ sở y tế với mục đích quảng cáo, tuyên truyền, khuyến khích sử dụng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ;

c) Tổ chức trưng bày sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 06 tháng tuổi tại cơ sở y tế; trưng bày tên, logo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ trên các biểu ngữ, áp phích và tài liệu quảng cáo khác trong các siêu thị, cửa hàng bán lẻ và cơ sở y tế;

d) Áp dụng các biện pháp khuyến mại đối với sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ như tặng hàng mẫu, tặng phiếu giảm giá, giải thưởng, quà tặng, tính điểm cộng thưởng, giảm giá hoặc bất kỳ hình thức nào khác;

đ) Sử dụng hình thức tài trợ học bổng, tài trợ nghiên cứu khoa học, tài trợ kinh phí cho đào tạo, hội nghị, hội thảo, khóa học, buổi hòa nhạc, tổ chức cuộc thi, diễn kịch, xây dựng phim, video clip, dịch vụ tư vấn qua điện thoại hoặc các hình thức khác nhằm tuyên truyền, giới thiệu, thúc đẩy việc kinh doanh hoặc sử dụng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ;

e) Thực hiện hoặc hỗ trợ việc thông tin, giáo dục, truyền thông liên quan đến nuôi dưỡng trẻ nhỏ nhằm tuyên truyền, giới thiệu, thúc đẩy việc kinh doanh hoặc sử dụng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ sở y tế

1. Cơ sở y tế có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thực hiện các biện pháp tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ cho phụ nữ mang thai, bà mẹ có con nhỏ và thành viên trong gia đình họ;
- b) Tổ chức tuyên truyền, treo pano, áp phích hoặc cho đăng phát hình ảnh có nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này tại phòng khám thai, phòng chờ sinh, phòng sau sinh, phòng tư vấn dinh dưỡng hoặc những nơi dễ quan sát, tập trung đối tượng phụ nữ mang thai, bà mẹ có con nhỏ và thành viên gia đình họ;
- c) Tạo điều kiện để bà mẹ cho con bú sớm trong vòng 01 giờ đầu sau sinh, bú mẹ hoàn toàn trong 06 tháng đầu và tiếp tục cho trẻ bú mẹ kéo dài đến 24 tháng hoặc lâu hơn.

2. Cơ sở y tế không được:

- a) Tổ chức bán hoặc cho phép bán sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ tại cơ sở y tế, trừ nhà thuốc bệnh viện;
- b) Cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ trưng bày, niêm yết bất kỳ vật dụng, thiết bị nào có tên hoặc biểu tượng của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, bình bú, vú ngậm nhân tạo tại cơ sở y tế;
- c) Cho phép nhân viên của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ tiếp cận với bà mẹ có con nhỏ, phụ nữ mang thai dưới mọi hình thức;
- d) Nhận sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ; lợi ích vật chất; vật dụng có tên hoặc biểu tượng của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ do cơ sở sản xuất, kinh doanh tặng.

Điều 13. Trách nhiệm của thầy thuốc, nhân viên y tế trong các cơ sở y tế

1. Thầy thuốc, nhân viên y tế trong các cơ sở y tế có trách nhiệm:

- a) Khuyến khích, hỗ trợ và bảo vệ việc nuôi con bằng sữa mẹ; hiểu và thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định này;
- b) Thông tin cho bà mẹ có con nhỏ, phụ nữ mang thai về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ và cách thức thực hiện;

- c) Giúp các bà mẹ cho con bú trong vòng một giờ đầu sau khi sinh;
- d) Chỉ dẫn cho các bà mẹ cách cho con bú và duy trì nguồn sữa ngay cả khi họ phải xa con;
- đ) Tư vấn cho bà mẹ và thành viên trong gia đình cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 06 tháng đầu;
- e) Hướng dẫn, giúp đỡ bà mẹ ở gần con ngay sau khi sinh;
- g) Khuyến khích bà mẹ cho con bú theo nhu cầu;
- h) Hướng dẫn bà mẹ và thành viên trong gia đình không cho trẻ bú bình hoặc dùng vú ngậm nhân tạo;
- i) Khuyến khích việc thành lập nhóm hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ và giới thiệu các bà mẹ tới đó khi các bà mẹ xuất viện;
- k) Chỉ định trường hợp trẻ nhỏ phải dùng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ.

2. Thầy thuốc, nhân viên y tế trong cơ sở y tế không được:

- a) Hướng dẫn cho trẻ dưới 06 tháng tuổi sử dụng sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, trừ trường hợp có chỉ định của bác sỹ;
- b) Thông tin cho phụ nữ mang thai, bà mẹ có con nhỏ hoặc thành viên gia đình họ là cho trẻ ăn sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ có giá trị tương đương hoặc tốt hơn cho trẻ bú sữa mẹ;
- c) Nhận trực tiếp hoặc gián tiếp sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ; lợi ích vật chất; vật dụng có tên hoặc biểu tượng của sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ;
- d) Cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh tặng mẫu, tặng quà liên quan đến sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ;
- đ) Cung cấp danh sách tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của bà mẹ có con nhỏ, phụ nữ mang thai cho nhân viên cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc cho phép nhân viên cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ tiếp cận với phụ nữ mang thai, bà mẹ có con nhỏ tại cơ sở y tế.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý

- 1. Bộ Y tế, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý việc sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ; quản lý chất lượng, an toàn đối với sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ

nhỏ; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quản lý thông tin, quảng cáo sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tổ chức việc tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo đối với phụ nữ mang thai, bà mẹ và thành viên trong gia đình họ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.
2. Nghị định số 21/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.
3. Trường hợp sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ đang lưu thông trên thị trường thì được tiếp tục lưu thông theo hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức việc thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

- Văn phòng Tổng Bí thư;

- Văn phòng Chủ tịch nước;

- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

- Văn phòng Quốc hội;

- Tòa án nhân dân tối cao;

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Kiểm toán Nhà nước;

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;

- Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;

- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý

TTG, TGD công TTĐT các Vụ, Cục,

đơn vị trực thuộc, Công báo;

- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

Nguyễn Tấn Dũng